

Số: 1372 /YCBG-BVTH

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Thận Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Hóa chất vật tư xét nghiệm cho Khoa Xét Nghiệm - Bệnh viện Thận Hà Nội năm 2026” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Thận Hà Nội.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Quang Tuấn - Phòng Vật tư Thiết bị Y tế - 0986898385.
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư Thiết bị y tế, Bệnh viện Thận Hà Nội, Số 70 Nguyễn Chí Thanh - phường Láng - Thành phố Hà Nội.
 - Nhận qua email: bvthhn@hanoi.gov.vn
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 05 tháng 8 năm 2026 đến trước 16h ngày 21 tháng 8 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục mua sắm : Theo phụ lục đi kèm.
2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Thận Hà Nội, Số 70 Nguyễn Chí Thanh - phường Láng - Thành phố Hà Nội.
3. Thời gian thực hiện dịch vụ dự kiến: 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

PHỤ LỤC DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 87/YCBG-BVTH ngày 05 tháng 8 năm 2026)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Hóa chất vật tư cho máy Huyết học XN-550				
1	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	Thùng	35	
2	Dung dịch đo hemoglobin	Hộp	5	
3	Dung dịch ly giải dùng để đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Hộp	5	
4	Dung dịch nhuộm dùng để đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Hộp	4	
5	Dung dịch kiểm rửa máy huyết học	Hộp	6	
6	Dung dịch pha loãng đo hồng cầu lưới	Hộp	5	
7	Dung dịch nhuộm đo hồng cầu lưới	Hộp	4	
8	Chất hiệu chuẩn máy huyết học	Lọ	1	
9	Vật liệu kiểm soát huyết học mức 1	Lọ	15	
10	Vật liệu kiểm soát huyết học mức 2	Lọ	15	
11	Vật liệu kiểm soát huyết học mức 3	Lọ	15	
12	Vật liệu kiểm soát cho dịch cơ thể mức 1	Lọ	1	
13	Vật liệu kiểm soát cho dịch cơ thể mức 2	Lọ	1	
14	Bơm máy huyết học	Cái	1	
15	Kim hút mẫu máy huyết học	Cái	1	
16	Syringe hút mẫu máy huyết học	Cái	1	
17	Giá để mẫu máy huyết học	Cái	1	
II. Hóa chất vật tư cho máy điện giải ISE - 500				
18	Hóa chất điện giải 5 thông số Na/K/Cl/Ca/pH	Pack	50	
19	Hóa chất hiệu chuẩn máy điện giải	Lọ	3	
20	Dung dịch pha loãng nước tiêu	Lọ	2	
21	Hóa chất nội kiểm máy điện giải mức 1,2,3	Hộp	18	
22	Dây bơm máy điện giải	Cái	2	
23	Điện cực Na máy điện giải	Cái	1	
24	Điện cực K máy điện giải	Cái	1	
25	Điện cực Cl máy điện giải	Cái	1	
26	Điện cực Ca máy điện giải	Cái	1	
27	Điện cực pH máy điện giải	Cái	1	
28	Điện cực tham chiếu máy điện giải	Cái	1	
29	Dung dịch nạp điện cực K máy điện giải	Lọ	1	
30	Dung dịch nạp điện cực Ca máy điện giải	Lọ	1	
31	Dung dịch nạp điện cực pH, Na, Cl máy điện giải	Lọ	1	

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
32	Dung dịch nạp điện cực tham chiếu máy điện giải	Lọ	1	
33	Dung dịch rửa máy điện giải	Lọ	2	
34	Giấy in nhiệt máy điện giải 5.5 cm	Cuộn	25	

II. Tinh dịch đồ và vi sinh

35	Giấy đo pH	Tệp	5	
36	Bộ thuốc nhuộm Hematoxylin – Eosin	Bộ	3	
37	Bộ thuốc nhuộm Eosin - nigrosin	Lọ	2	
38	Tinh thể KOH	Lọ	2	
39	Natri bicarbonat	Lọ	2	
40	Formalin 37%	Lọ	2	
41	Bộ dung dịch nhuộm Color Gram	Bộ	4	
42	Dầu soi kính hiển vi	Lọ	2	
43	Cồn tuyệt đối	Lít	10	
44	Môi trường nuôi cấy phổ rộng được đề xuất sử dụng để nuôi cấy, phân lập hầu hết các loại vi sinh vật	Hộp	45	
45	Môi trường thạch đĩa tạo màu để xác định và định danh sơ bộ các tác nhân chính gây viêm đường tiết niệu	Hộp	35	
46	Môi trường chọn lọc phân biệt đặc biệt giữa coliforms và các vi khuẩn không lên men lactose với sự ức chế của vi khuẩn Gram dương.	Hộp	8	
47	Môi trường giàu dinh dưỡng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria và Haemophilus.	Hộp	5	
48	Môi trường thử nghiệm độ nhạy cảm kháng sinh	Hộp	15	
49	Môi trường chọn lọc cho nuôi cấy nấm men và nấm sợi từ bệnh phẩm có nhiều vi sinh vật có bổ sung kháng sinh	Hộp	5	
50	Môi trường phân biệt Enterobacteriaceae dựa vào sự lên men đường đôi và tạo H ₂ S	Hộp	2	
51	Môi trường phân biệt Enterobacteriaceae dựa vào khả năng sử dụng citrat	Hộp	2	
52	Môi trường phân biệt Enterobacteriaceae dựa trên sinh khí H ₂ S, sinh indole và tính di động	Hộp	2	
53	Thuốc thử Kovacs	Ống	1	
54	Môi trường bảo quản lạnh sâu vi sinh vật	Hộp	2	
55	Môi trường chọn lọc sử dụng để phân lập Staphylococci	Hộp	2	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
56	Môi trường chọn lọc sử dụng để phân biệt Enterococci	Hộp	2	
57	Khoanh giấy để phân biệt Streptococcus pneumoniae	Hộp	1	
58	Khoanh giấy để phân biệt Staphylococcus saprophyticus và các tụ cầu khuẩn coagulase âm tính (CoNS)	Hộp	1	
59	Khoanh thử oxidase	Hộp	1	
60	Thuốc thử Catalase	Hộp	1	
61	Túi tạo khí trường CO ₂	Hộp	3	
62	Môi trường lỏng cây kiểm tra nước sinh hoạt	Hộp	5	
63	Môi trường lỏng dùng để tăng sinh vi khuẩn	Hộp	10	
64	Nước muối sinh lý 0,9%	Chai	5	
IV. Kháng sinh				
65	Khoanh giấy kháng sinh Imipenem 10 μ g	Hộp	2	
66	Khoanh giấy kháng sinh Meropenem 10 μ g	Hộp	2	
67	Khoanh giấy kháng sinh Oxaciline 1 μ g	Hộp	1	
68	Khoanh giấy kháng sinh Cefuroxime 30 μ g	Hộp	2	
69	Khoanh giấy kháng sinh Cefoxitine 30 μ g	Hộp	1	
70	Khoanh giấy kháng sinh Ceftriaxone 30 μ g	Hộp	2	
71	Khoanh giấy kháng sinh Ceftazidime 30 μ g	Hộp	2	
72	Khoanh giấy kháng sinh Cefotaxime 30 μ g	Hộp	2	
73	Khoanh giấy kháng sinh Cefepime 30 μ g	Hộp	2	
74	Khoanh giấy kháng sinh Amoxycillin/clavulanic acid 30 μ g	Hộp	2	
75	Khoanh giấy kháng sinh Ampicillin/Sulbactam 20 μ g	Hộp	2	
76	Khoanh giấy kháng sinh Piperacillin/Tazobactam 110 μ g	Hộp	2	
77	Thanh tâm kháng sinh xác định giá trị MIC Vancomycin	Hộp	2	
78	Khoanh giấy kháng sinh Gentamicin 10 μ g	Hộp	2	
79	Khoanh giấy kháng sinh Amikacin 30 μ g	Hộp	2	
80	Khoanh giấy kháng sinh Ciprofloxacin 5 μ g	Hộp	2	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
81	Khoanh giấy kháng sinh Levofloxacin 5µg	Hộp	2	
82	Khoanh giấy kháng sinh Sulphamethoxazole/trimethoprim 25 µg	Hộp	2	
83	Khoanh giấy kháng sinh Nitrofurantoin 300 µg	Hộp	2	
84	Khoanh giấy kháng sinh Fosfomycin 200µg Glucose 6 Phosphat 50µg	Hộp	2	
85	Khoanh kháng sinh Erythromycin 15µg	Hộp	1	
86	Khoanh kháng sinh Tetracycline 30µg	Hộp	1	
87	Khoanh kháng sinh Tigecycline 15µg	Hộp	1	
88	Khoanh kháng sinh Linezolid 30µg	Hộp	1	
89	Khoanh kháng sinh Peniciline 10 unit	Hộp	1	
90	Khoanh kháng sinh Ampiciline 10 µg	Hộp	1	
91	Khoanh kháng sinh Clindamycin 2 µg	Hộp	1	
92	Khoanh kháng sinh Ceftazoline 30 µg	Hộp	1	
93	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 25922	Túi	2	
94	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	Túi	2	
95	Chủng chuẩn Enterococcus faecalis ATCC 29212	Túi	2	
96	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC 29213	Túi	2	
97	Chủng chuẩn Candida krusei ATCC 14243	Túi	2	
98	Chủng chuẩn Candida parapsilosis ATCC 22019	Túi	2	
V. Vật tư tiêu hao				
99	Lọ lấy mẫu vô trùng có nắp	Lọ	500	
100	Ăng cây 1 microlit dùng 1 lần	Cái	650	
101	Lam kính	Hộp	10	
102	Que tăm bông vô trùng lấy bệnh phẩm	Cái	350	
103	Ống thủy tinh 8cm	Cái	359	
VI. Hóa chất vật tư cho máy AU480				
104	Hóa chất định lượng ALP	Hộp	2	
105	Que khuấy, dạng xoắn	Cái	1	
106	Que khuấy, dạng L	Cái	1	
VII. Hóa chất vật tư cho máy miễn dịch hóa phát quang				
107	Hóa chất định lượng 25 hydroxy-vitamin D (25 OH-vitamin D)	Hộp	2	
108	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm 25OH-vitamin D	Hộp	2	
109	Chất kiểm tra xét nghiệm 25 OH-vitamin D	Hộp	2	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
110	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng nguyên HbsAg	Hộp	2	
111	Chất kiểm tra xét nghiệm định tính kháng nguyên HbsAg	Hộp	3	
112	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng nguyên HbsAg	Hộp	7	
113	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính Anti-HCV	Hộp	2	
114	Chất kiểm tra xét nghiệm định tính Anti- HCV	Hộp	3	
115	Hóa chất xét nghiệm định tính Anti HCV	Hộp	7	
116	Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti- HBs	Hộp	2	
117	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-HBs	Hộp	1	
118	Chất kiểm tra xét nghiệm định lượng Anti-HBs	Hộp	2	
119	Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin I hs	Hộp	3	
120	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I hs	Hộp	1	
121	Chất kiểm tra xét nghiệm định lượng Troponin I hs	Hộp	2	
122	Hóa chất xét nghiệm định lượng proBNP	Hộp	3	
123	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng proBNP	Hộp	1	
124	Chất kiểm tra xét nghiệm định lượng proBNP	Hộp	2	